

# SỔ TAY

## Hướng dẫn trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng



Hợp tác  
Đức

DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Xuất bản bởi

**giz**

Deutsche Gesellschaft  
für Internationale  
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



## **CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

PGS. TS Nguyễn Bá Ngãi - Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp

## **NHÓM BIÊN SOẠN**

ThS. Phạm Hồng Lượng - Tổng cục Lâm nghiệp

ThS. Lê Văn Thanh - Tổng cục Lâm nghiệp

TS. Vũ Tấn Phương – Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

## **NHÓM BIÊN TẬP**

KS. Bùi Nguyễn Phú Kỳ - Tổng cục Lâm nghiệp

KS. Bùi Thị Vân - Tổng cục Lâm nghiệp

ThS. Nguyễn Chiến Cường - Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

Bà Nguyễn Thị Minh Hương - Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

ThS. Tô Thị Thu Hương - Tổ chức Hợp tác phát triển Đức GIZ

ThS. Phạm Thị Hồng Nết - Tổ chức Hợp tác phát triển Đức GIZ

Ông Tô Xuân Quý - Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Yên Bái

Ông Nguyễn Thạch Lam - Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hòa Bình

Ông Lê Văn Quang - Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đắk Nông

Và các cộng sự khác.

Ảnh: Nguyễn Trọng Đoàn, Phạm Thị Hồng Nết, Bùi Thị Việt Phương, Lê Văn Dũng và các đồng nghiệp khác.

Thiết kế Golden Sky Co.,Ltd. | [www.goldenskyvn.com](http://www.goldenskyvn.com)

Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ hỗ trợ biên soạn, thiết kế và in ấn.

# SỔ TAY

## Hướng dẫn trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 447/QĐ-TCLN-KHTC ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp)*

*Hà Nội, tháng 01 năm 2019*

Số: 447/QĐ-TCLN-KHTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành “Sổ tay hướng dẫn trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng”**

#### **TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP**

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 28/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Sổ tay hướng dẫn trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Tổng cục, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng các cấp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTTT. Hà Công Tuấn (để báo cáo);
- Tổng cục trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Tổng cục trưởng;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Nguyễn Bá Ngãi**





# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG .....	4
1. Mục đích .....	4
2. Đối tượng áp dụng .....	5
3. Nguyên tắc thực hiện .....	5
4. Giải thích từ ngữ .....	6
PHẦN II. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG QUA TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG .....	8
1. Lựa chọn ngân hàng thực hiện dịch vụ trả tiền dịch vụ môi trường rừng	10
2. Lập danh sách dự kiến mở tài khoản ngân hàng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng .....	12



3. Tập huấn, tuyên truyền về trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng .....	15
4. Hoàn thiện danh sách mở tài khoản ngân hàng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng .....	18
5. Mở tài khoản ngân hàng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng .....	19
6. Phê duyệt danh sách trả tiền dịch vụ môi trường rừng .....	22
7. Tổ chức trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng .....	23

**PHẦN III. CÔNG KHAI, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG THÔNG QUA TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG .....** 26

1. Công khai kết quả trả tiền dịch vụ môi trường rừng .....	26
2. Giám sát trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng .....	27
3. Đánh giá thực hiện trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng .....	29
Tài liệu tham khảo .....	30



## DANH MỤC LỜI KHUYÊN

- Lời khuyên 1. Lựa chọn ngân hàng thực hiện dịch vụ thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng..... 12
- Lời khuyên 2. Lựa chọn loại tài khoản mở nhận tiền dịch vụ môi trường rừng..... 18
- Lời khuyên 3. Áp dụng phương thức trả tiền dịch vụ môi trường rừng lưu động ..... 25
- Lời khuyên 4. Giám sát phân bổ tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các tài khoản chung..... 28





## DANH MỤC PHỤ LỤC

- Phụ lục 1. Mẫu Thỏa thuận/Hợp đồng kinh tế với ngân hàng ..... 32
- Phụ lục 2. Mẫu biên bản họp thôn/bản/nhóm bầu đại diện chủ tài khoản chung..... 40
- Phụ lục 3. Thủ tục hồ sơ mở tài khoản ngân hàng..... 44
- Phụ lục 4. Khung giám sát và đánh giá trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng ..... 47
- Phụ lục 5. Mẫu danh sách mở tài khoản ngân hàng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng (dành cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh)..... 52
- Phụ lục 6. Mẫu danh sách mở tài khoản ngân hàng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng (dành cho chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân xã, tổ chức chính trị-xã hội).....53
- Phụ lục 7. Mẫu sổ tay ghi chép nhận tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ..... 54

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
BQLRPH	Ban quản lý rừng phòng hộ
BQLRĐD	Ban quản lý rừng đặc dụng
BTC	Bộ Tài chính
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
GIZ	Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ
KfW	Ngân hàng tái thiết Đức
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội
PTNT	Phát triển nông thôn
TKNH	Tài khoản ngân hàng
TKTT	Tài khoản thanh toán
TKCN	Tài khoản cá nhân
UBND	Ủy ban nhân dân
VNFF	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

## LỜI MỞ ĐẦU

Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) quy định mối quan hệ chi trả tiền DVMTR giữa bên sử dụng và bên cung ứng DVMTR. Đây là chính sách mang tính cách mạng của ngành lâm nghiệp, tạo nguồn tài chính đáng kể cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, góp phần cải thiện sinh kế, ổn định đời sống của người dân và cộng đồng tham gia quản lý và bảo vệ rừng, đặc biệt là đồng bào các dân tộc ít người ở vùng cao và miền núi.

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng (BV&PTR) là cơ quan được ủy thác nhận tiền DVMTR từ bên sử dụng DVMTR và có trách nhiệm chi trả tiền DVMTR tới các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng thôn. Sau 8 năm thực hiện chính sách chi trả DVMTR (2011-2018), có 44 tỉnh thành lập Quỹ BV&PTR và lũy kế tổng số tiền DVMTR là 9.282 tỷ đồng. Nguồn tiền này đã giúp bảo vệ trên 5,98 triệu ha rừng hàng năm (Quỹ BV&PTR Việt Nam 2018).

Hiện nay tiền DVMTR trả cho chủ rừng là tổ chức được Quỹ BV&PTR cấp tính thực hiện qua tài khoản ngân hàng (TKNH). Tuy vậy, việc trả tiền DVMTR cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư khoán bảo vệ rừng đều được Quỹ BV&PTR hoặc chủ rừng là tổ chức trả trực tiếp bằng tiền mặt nên mất nhiều thời gian, chi phí cao, tiềm ẩn rủi ro, chưa đảm bảo công khai, minh bạch. Vì vậy, ngày 26/9/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) ban hành văn số 7491/BNN-TCLN ngày 26/9/2018 gửi Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc trả tiền DVMTR qua TKNH hoặc giao dịch thanh toán điện tử. Mặt khác, chủ trương trả tiền DVMTR tới chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng được khuyến khích thực hiện tại Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC và tiếp tục được khuyến khích thực hiện tại Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ Tài chính.

Nhằm thúc đẩy trả tiền DVMTR qua TKNH, trong giai đoạn 2017-2018, Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ thông qua Chương trình Bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học lâm nghiệp và dịch vụ hệ sinh thái ở Việt Nam đã hỗ trợ và phối hợp với Quỹ BV&PTR Việt Nam (VNFF) và KfW thực hiện nghiên cứu khả thi và triển khai thí điểm trả tiền DVMTR qua

TKNH tại 3 tỉnh Yên Bái, Hòa Bình và Đắk Nông. Kết quả nghiên cứu và thí điểm tại 3 tỉnh đã khẳng định tính khả thi của phương thức này và giúp cải thiện đáng kể tính minh bạch, an toàn và hiệu quả trong quá trình tổ chức trả tiền DVMTR (Vũ Tấn Phương 2017, 2018).

Sổ tay này được xây dựng dựa trên kết quả thí điểm trả tiền DVMTR qua TKNH thực tiễn tại 3 tỉnh Yên Bái, Hòa Bình và Đắk Nông, nhằm cung cấp các hướng dẫn và khuyến nghị trong quá trình tổ chức thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH tới bên cung ứng DVMTR. Cuốn sổ tay gồm 03 phần như sau:

- Phần I: Giới thiệu chung. Phần này cung cấp các thông tin về mục đích, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ.
- Phần II: Các bước thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH. Phần này cung cấp các hướng dẫn về lựa chọn ngân hàng, lập danh sách bên cung ứng DVMTR để mở TKNH nhận tiền DVMTR, tập huấn, tuyên truyền về trả tiền DVMTR qua TKNH, mở tài khoản và tổ chức trả tiền DVMTR.
- Phần III: Công khai, giám sát và đánh giá trả tiền DVMTR qua TKNH. Phần này hướng dẫn nội dung và trách nhiệm của các bên liên quan trong công khai, giám sát và đánh giá trả tiền DVMTR qua TKNH.

Sổ tay này có thể chưa đáp ứng hết các yêu cầu thực tiễn tại các tỉnh đang triển khai thực hiện chính sách chi trả DVMTR. Do đó, sổ tay sẽ được xem xét, cập nhật và hoàn thiện nội dung dựa trên phản hồi của các Quỹ BV&PTR tỉnh và bên liên quan.

**TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP**







# PHẦN I | GIỚI THIỆU CHUNG

## 1. Mục đích

Trả tiền DVMTR thông qua TKNH nhằm đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và giảm thiểu rủi ro trong tổ chức trả tiền DVMTR tới bên cung ứng DVMTR.

Trả tiền DVMTR thông qua TKNH sẽ góp phần thực hiện chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ và giúp người dân tiếp cận các dịch vụ thanh toán của ngân hàng trong quản lý và sử dụng tiền DVMTR.



## 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của hướng dẫn này bao gồm:

a) Bên trả tiền DVMTR:

- Quỹ BV&PTR cấp tỉnh;
- Chủ rừng là tổ chức có khoán bảo vệ rừng.

b) Bên nhận tiền DVMTR:

- Chủ rừng (là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn);
- Bên nhận khoán bảo vệ rừng.

c) Các ngân hàng có chức năng thực hiện dịch vụ thanh toán qua TKNH.

## 3. Nguyên tắc thực hiện

a) Đảm bảo tính cạnh tranh, bình đẳng giữa các ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán tiền DVMTR qua TKNH;

b) Đảm bảo sự tham gia bình đẳng của các thành viên nam, nữ trong thôn, bản, bon trong quá trình ra quyết định lựa chọn mở loại tài khoản để nhận tiền DVMTR;

c) Đảm bảo công khai, minh bạch thông tin về danh sách và số tiền trả cho bên cung ứng DVMTR là chủ rừng, bên nhận khoán được nhận tiền DVMTR;

d) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý và bên liên quan tham gia giám sát thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH.

#### 4. Giải thích từ ngữ

- a) *Trả tiền DVMTR qua TKNH* là việc ngân hàng được ủy nhiệm thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR cho bên cung ứng DVMTR thông qua TKNH.
- b) *Tài khoản ngân hàng (TKNH)* là tài khoản thanh toán (TKTT) mở tại ngân hàng cho bên cung ứng DVMTR để thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR. TKNH bao gồm tài khoản của tổ chức, tài khoản cá nhân (TKCN) và tài khoản chung.
- c) *Tài khoản của tổ chức* là TKNH mở cho các chủ rừng là tổ chức được trả tiền DVMTR, bao gồm các Ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp, UBND xã và các tổ chức khác;
- d) *Tài khoản cá nhân (TKCN)* là TKNH mở cho các cá nhân được hưởng lợi từ chính sách chi trả DVMTR, bao gồm chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình; các cá nhân, hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng.
- đ) *Tài khoản chung* là TKNH mở cho chủ rừng là cộng đồng dân cư thôn, bản, bon, nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng; nhóm các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình; nhóm các cá nhân, hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng hình thành trong quá trình thực hiện chi trả.
- e) *Thẻ ATM* là loại thẻ do các ngân hàng hoặc tổ chức tài chính cấp cho người dùng để thực hiện các giao dịch thanh toán như rút tiền, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn,... thông qua máy máy rút tiền tự động (ATM) hoặc tại các điểm hỗ trợ thanh toán bằng thẻ.
- g) *Phương thức chi trả lưu động*: là phương thức thức chi trả mà ngân hàng đến trụ sở UBND xã, hoặc các thôn, bản hoặc nhà người dân theo yêu cầu để thực hiện trả tiền DVMTR.







## PHẦN II

## CÁC BƯỚC THỰC HIỆN TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG QUA TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

Trình tự thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH bao gồm các nội dung sau:

- (1) Lựa chọn ngân hàng thực hiện dịch vụ thanh toán ủy thác tiền DVMTR;
- (2) Lập danh sách bên cung ứng DVMTR mở TKNH nhận tiền DVMTR;
- (3) Tuyên truyền, tập huấn về trả tiền DVMTR qua TKNH;
- (4) Mở TKNH cho các đối tượng nhận tiền DVMTR;
- (5) Tổ chức trả tiền DVMTR;
- (6) Phê duyệt danh sách trả tiền DVMTR;
- (7) Tổ chức trả tiền DVMTR cho bên cung ứng.



# Sơ đồ các bước thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH

Quy trình/chủ rừng là tổ chức thực hiện

**Bước 7: Trả tiền cho bên cung ứng DVMTR**

**Bước 6: Phê duyệt danh sách trả tiền DVMTR**

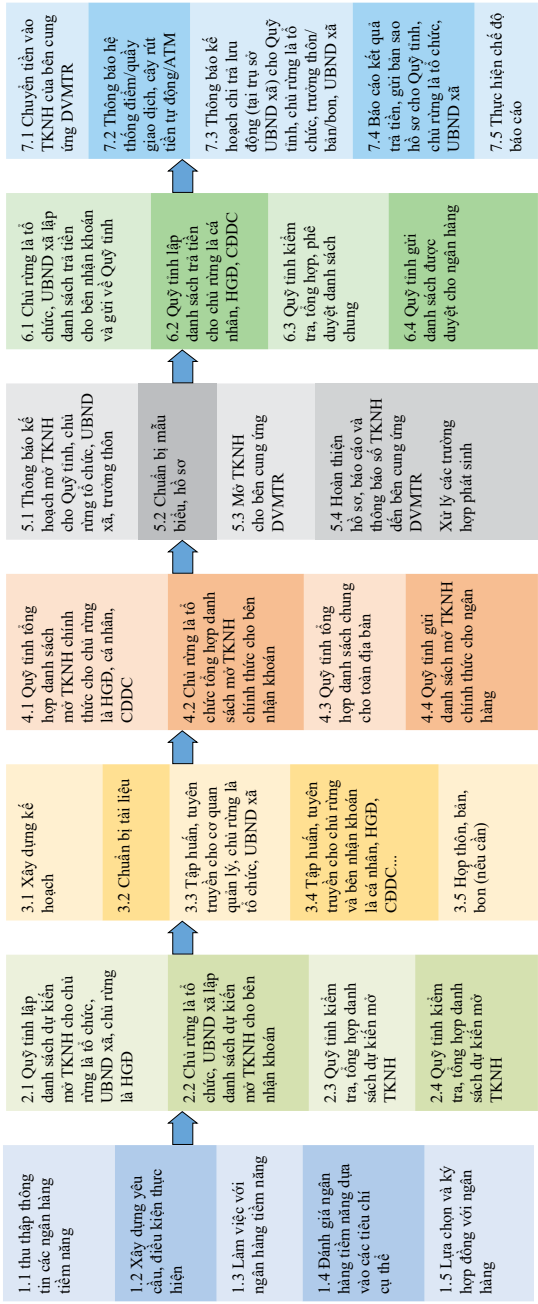
**Bước 5: Mở TKNH cho bên cung ứng DVMTR**

**Bước 4: Hoàn Thiện danh sách mở TKNH**

**Bước 3: Tập huấn, tuyên truyền**

**Bước 2: Lập danh sách dự kiến mở TKNH**

**Bước 1: Lựa chọn ngân hàng**



Dưới đây cung cấp các hướng dẫn thực hiện cho từng nội dung.

## **Bước 1. Lựa chọn ngân hàng thực hiện dịch vụ trả tiền DVMTR**

Quỹ BV&PTR cấp tỉnh và chủ rừng là tổ chức trên địa bàn tỉnh thực hiện các hoạt động sau:

1.1. Rà soát và thu thập thông tin sơ bộ về các ngân hàng tiềm năng trên địa bàn có thể thực hiện dịch vụ trả tiền DVMTR qua TKNH tới bên cung ứng DVMTR.

Các thông tin thu thập về các ngân hàng tiềm năng gồm:

- Chức năng, nhiệm vụ của ngân hàng;
- Hệ thống giao dịch của ngân hàng trên địa bàn;
- Các loại dịch vụ thanh toán cung ứng và các loại phí liên quan;
- Kinh nghiệm của ngân hàng trong các hoạt động tương tự.

1.2. Xây dựng các yêu cầu, điều kiện thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR qua TKNH.

Xây dựng yêu cầu và điều kiện trả tiền DVMTR qua TKNH cần dựa trên các thông tin sau:

- Đặc điểm của bên cung ứng DVMTR (dân tộc, trình độ, văn hóa,...);
- Khả năng tiếp cận khu vực cung ứng DVMTR;
- Mục tiêu và kế hoạch thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH.

1.3. Làm việc với các ngân hàng có tiềm năng thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR trên địa bàn

Làm việc với từng ngân hàng và hai bên thảo luận chi tiết về các nội dung liên quan đến thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR qua TKNH tới bên cung ứng DVMTR, bao gồm:

- Phạm vi và địa điểm trả tiền DVMTR;
- Các loại dịch vụ trả tiền DVMTR tới bên cung ứng DVMTR;
- Các loại tài khoản (tổ chức, cá nhân, tài khoản chung) và yêu cầu về hồ sơ mở tài khoản;
- Các loại dịch vụ thanh toán tiền DVMTR và khả năng áp dụng;

- Các loại phí liên quan đến dịch vụ trả tiền DVMTR (bắt buộc và tùy chọn), gồm phí mở và quản lý tài khoản, phí mở thẻ ATM, phí thông báo biến động tài khoản (SMS banking), phí trả lưu động và các loại phí khác (nếu có);
- Các quy định về báo cáo, hồ sơ chi trả và các yêu cầu khác (nếu có);
- Quyền lợi và trách nhiệm của các bên.

#### 1.4. Đánh giá các ngân hàng tiềm năng thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR

Việc đánh giá các ngân hàng tiềm năng cần dựa trên các tiêu chí sau:

- Phù hợp với chức năng của ngân hàng;
- Năng lực thực hiện dịch vụ trả tiền DVMTR qua TKNH;
- Mức độ sẵn sàng và sự chủ động của ngân hàng;
- Phí thực hiện dịch vụ trả tiền DVMTR cạnh tranh;
- Các giá trị gia tăng của đơn vị cung cấp dịch vụ trả tiền DVMTR;
- Kinh nghiệm của ngân hàng trong thực hiện các dịch vụ thanh toán tương tự.

#### 1.5. Lựa chọn và ký kết thỏa thuận/hợp đồng với ngân hàng

Dựa trên kết quả đánh giá các ngân hàng tiềm năng, tiến hành lựa chọn, ký kết thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng dịch vụ trả tiền DVMTR tới bên cung ứng DVMTR. Công việc này gồm:

- Dự thảo thỏa thuận/hợp đồng (tham khảo tại Phụ lục 1);
- Hai bên trao đổi, chỉnh sửa, bổ sung và thống nhất nội dung thỏa thuận/hợp đồng (nếu có);
- Ký kết thỏa thuận/hợp đồng.

## **Lời khuyên 1. Lựa chọn ngân hàng thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR**

Theo quy định, Quỹ BV&PTR cấp tỉnh và chủ rừng là tổ chức có trách nhiệm trả tiền DVMTR tới chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thôn và người nhận khoán bảo vệ rừng có cung ứng DVMTR. Điều này có nghĩa Quỹ BV&PTR và chủ rừng là tổ chức có quyền ký thỏa thuận/hợp đồng với ngân hàng để thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR. Tuy nhiên, nếu thực hiện như vậy sẽ làm tăng các đầu mối, không đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống ngân hàng và có thể sẽ làm giảm hiệu quả trả tiền DVMTR qua TKNH. Do đó, chúng tôi khuyến nghị:

- 1. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh là đầu mối thực hiện lựa chọn và ký kết với ngân hàng có năng lực để thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR trên địa bàn tỉnh.**
- 2. Các chủ rừng là tổ chức cần được tham gia vào quá trình đánh giá, lựa chọn ngân hàng và các bên cùng thảo luận để chia sẻ mức phí trả cho ngân hàng thực hiện dịch vụ thanh toán theo yêu cầu của Quỹ và chủ rừng là tổ chức.**
- 3. Tài khoản nhận tiền DVMTR của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức và tài khoản của bên cung ứng DVMTR cùng hệ thống ngân hàng sẽ làm giảm chi phí tổ chức thanh toán lưu động của ngân hàng.**

## **Bước 2. Lập danh sách dự kiến mở TKNH nhận tiền DVMTR cho bên cung ứng DVMTR**

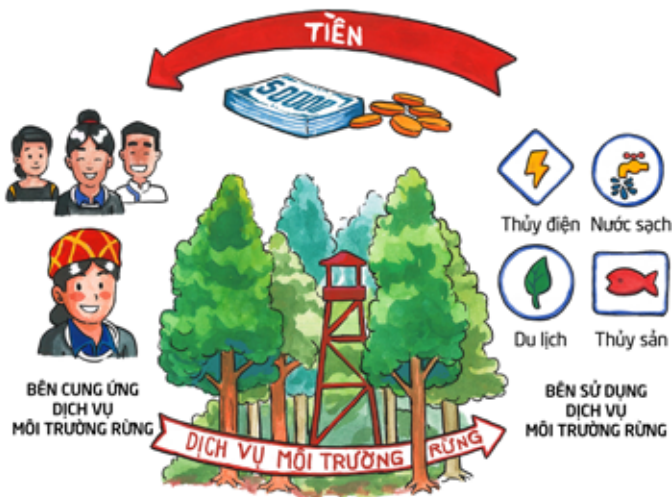
Căn cứ kết quả chi trả của năm trước liền kề và kế hoạch thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH, Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức, UBND xã tiến hành rà soát các đối tượng hưởng lợi từ chính sách chi trả DVMTR để xây dựng danh sách mở TKNH dự kiến. Các hoạt động thực hiện gồm:

- 2.1. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh rà soát, tổng hợp danh sách các chủ rừng là tổ chức, UBND xã, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, nhóm các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình sẽ mở TKNH để nhận tiền DVMTR và điện tích được trả tiền DVMTR (*tham khảo tại Phụ lục 5*). Hoạt động này cần được thực hiện và hoàn thành trước ngày 15 tháng 3 hàng năm. Thông tin rà soát và tổng hợp gồm:

- Diện tích rừng và số tiền DVMTR được trả của chủ rừng là tổ chức và UBND xã;
- Diện tích rừng và số tiền DVMTR được trả của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, nhóm các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình.

2.2. Chủ rừng là tổ chức, UBND xã rà soát, tổng hợp danh sách bên nhận khoán bảo vệ rừng sẽ mở TKNH để nhận tiền DVMTR (*tham khảo tại Phụ lục 6*). Hoạt động này cần hoàn thành trước 15 tháng 4 hàng năm và gửi về Quỹ BV&PTR cấp tỉnh. Nội dung rà soát và tổng hợp gồm:

- Diện tích rừng giao khoán bảo vệ rừng và số tiền DVMTR được trả cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng cư thôn; nhóm cá nhân, hộ gia đình; tổ chức xã hội dân sự; ...
- Tên đầy đủ của cá nhân, hộ gia đình; người đại diện cộng đồng dân cư thôn, nhóm cá nhân, hộ gia đình; tổ chức xã hội dân sự ký hợp đồng bảo vệ rừng.



**Bà con quản lý và bảo vệ rừng tốt sẽ được  
trả tiền dịch vụ môi trường rừng**

2.3. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh kiểm tra và tổng hợp danh sách bên cung ứng DVMTR sẽ mở TKNH để nhận tiền DVMTR trên toàn tỉnh. Hoạt động này cần hoàn thành trước ngày 30 tháng 4 hàng năm. Danh sách mở TKNH tổng hợp theo chủ rừng là tổ chức và theo thôn, bản, bon, xã, huyện. Danh sách bao gồm các thông tin sau:

- Tên đầy đủ của bên cung ứng DVMTR;
- Diện tích rừng và số tiền DVMTR được trả.

2.4. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh gửi danh sách sơ bộ mở TKNH nhận tiền DVMTR của bên cung ứng DVMTR tới ngân hàng được ủy thác thực hiện dịch vụ trả tiền DVMTR qua TKNH.



*Đại diện hộ gia đình tại Đắc Nông hoàn thiện thủ tục mở TKNH*



### Bước 3. Tập huấn, tuyên truyền về trả tiền DVMTR qua TKNH

Quỹ BV&PTR cấp tỉnh chủ trì, tổ chức các cuộc tập huấn, tuyên truyền về chủ trương và kế hoạch thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH. Việc tập huấn, tuyên truyền nên được tổ chức theo các nhóm đối tượng, gồm: (i) các cơ quan liên quan ở cấp tỉnh, các chủ rừng là tổ chức và UBND xã; (ii) chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng thôn, bản, bon; nhóm hộ. Các hoạt động thực gồm:

3.1. Xây dựng kế hoạch tập huấn, tuyên truyền cho các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng, bên nhận khoán bảo vệ rừng. Kế hoạch cần thể hiện rõ:

- Thời gian và địa điểm tập huấn, tuyên truyền;
- Đối tượng tham gia;
- Chuẩn bị nội dung tập huấn, tuyên truyền;
- Phân công trách nhiệm.



*Bà con tham gia các trò chơi để tìm hiểu về trả DVMTR qua TKNH.*

3.2. Biên soạn và in ấn các tài liệu tập huấn, tuyên truyền phù hợp. Tài liệu tập huấn, tuyên truyền cần:

- Có nội dung rõ ràng và tập trung vào vấn đề chính, ưu tiên sử dụng hình ảnh, tranh vẽ, sơ đồ mô tả, v.v.;
- Phù hợp với đối tượng tập huấn, tuyên truyền;
- Đa dạng các loại tài liệu như áp phích, tờ rơi, video clip, v.v.;
- Trong trường hợp cần thiết, tài liệu tập huấn, tuyên truyền cần được biên soạn bằng ngôn ngữ của đồng bào dân tộc.

3.3. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho các cơ quan quản lý, các chủ rừng là tổ chức và UBND xã.

Quỹ BV&PTR cấp tỉnh chủ trì tổ chức các cuộc tập huấn, tuyên truyền về thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH. Thời gian cho 1 cuộc họp là 0,5 ngày và các nội dung tập huấn, tuyên truyền gồm:

- Chính sách chi trả DVMTR và hiện trạng chi trả DVMTR;
- Ý nghĩa và phương thức trả tiền DVMTR qua TKNH;
- Các yêu cầu về mở TKNH để nhận tiền DVMTR (*tham khảo tại Phụ lục 3*);
- Kế hoạch thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH trên địa bàn tỉnh.

3.4. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng là cá nhân, hộ gia đình, nhóm cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng thôn, bản, bon.

Quỹ BV&PTR cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các chủ rừng là tổ chức, ngân hàng được ủy thác thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR, UBND xã, đoàn thể, cộng đồng thôn, bản, bon để tổ chức các đợt tập huấn, tuyên truyền. Các cuộc tập huấn, tuyên truyền nên thực hiện theo từng thôn, bản, bon hoặc xã. Thời gian cho 1 cuộc họp là 0,5 ngày và nội dung tập huấn, tuyên truyền, thảo luận gồm:

- Nội dung của chính sách chi trả DVMTR (cần làm rõ lý do trả tiền DVMTR, ai là người trả tiền DVMTR, ai là người được hưởng tiền DVMTR);
- Ý nghĩa và phương thức trả tiền DVMTR qua TKNH;

- Giới thiệu về mở TKNH để nhận tiền DVMTR (các loại tài khoản, các hồ sơ yêu cầu, các loại phí liên quan, các dịch vụ tùy chọn);
- Vai trò của giới trong quản lý và sử dụng tiền DVMTR (khuyến khích nữ là chủ TKNH);
- Thảo luận các vấn đề liên quan đến mở TKNH và kế hoạch triển khai mở TKNH (loại tài khoản, số lượng tài khoản, mức độ đầy đủ về hồ sơ để mở tài khoản, thời gian và địa điểm, v.v.);
- Xác định sơ bộ nhu cầu đăng ký các loại TKCN cho chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng là cá nhân, hộ gia đình; tài khoản chung cho chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng là cộng đồng thôn, bản, bon; nhóm hộ.

### 3.5. Hợp thôn, bản, bon (nếu cần)

Trong cuộc họp thôn, bản, bon, trong trường hợp chưa thống nhất được loại TKNH (cá nhân, tài khoản chung) sẽ mở cho cộng đồng, nhóm hộ, cá nhân và hộ gia đình, Trưởng các thôn, bản, bon nên tổ chức họp riêng để đảm bảo quyền lợi của bên cung ứng DVMTR. Nội dung cuộc họp gồm:

- Thảo luận về loại TKNH sẽ mở;
- Bầu người đại diện đứng tên tài khoản chung (*tham khảo tại Phụ lục 2*);
- Khuyến khích nữ trong hộ gia đình, cá nhân đứng tên chủ tài khoản; đại diện là nữ tham gia đứng tên tài khoản chung của cộng đồng thôn, bản, bon, nhóm hộ.

## Lời khuyên 2. Lựa chọn loại tài khoản mở nhận tiền DVMTR

Trong quá trình tuyên truyền tại thôn, bản, bon, bên cung ứng DVMTR là cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ và cộng đồng có thể chưa quyết định ngay được loại tài khoản họ sẽ mở để nhận tiền DVMTR do họ cần sự đồng thuận từ các thành viên trong cộng đồng thôn, bản, bon; hoặc trong nhóm; hoặc cần bàn bạc với các thành viên trong gia đình. Do đó, chúng tôi khuyến nghị:

1. **Cần dành đủ thời gian và trao quyền cho cộng đồng thôn, bản, bon; nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng; các hộ gia đình thảo luận và quyết định loại tài khoản (TKCN hoặc tài khoản chung);**
2. **Khuyến khích phụ nữ là chủ TKCN;**
3. **Đối với tài khoản chung của cộng đồng và nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng, cần trao quyền tự quyết định cho cộng đồng, nhóm hộ bầu người đại diện đứng tên tài khoản chung và nên có nữ tham gia là người đại diện;**
4. **Các chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng là cá nhân, hộ gia đình có mức chi trả tiền DVMTR thấp (dưới 500.000 đồng/hộ/cá nhân/năm) thì khuyến khích họ tự ghép thành nhóm để lập tài khoản chung của nhóm.**

## Bước 4. Hoàn thiện danh sách mở TKNH nhận tiền DVMTR

Sau khi họp tập huấn, tuyên truyền và các cộng đồng tổ chức họp riêng, Quỹ BV&PTR cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các chủ rừng, UBND xã tiến hành bổ sung, hoàn thiện danh sách bên cung ứng DVMTR sẽ mở TKNH nhận tiền DVMTR. Các hoạt động gồm:

- 4.1. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh tổng hợp danh sách mở TKNH chính thức cho các chủ rừng là tổ chức, UBND xã, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư thôn, nhóm các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình;
- 4.2. Chủ rừng là tổ chức, UBND xã tổng hợp danh sách mở TKNH chính thức cho bên nhận khoán bảo vệ rừng là cá nhân, hộ gia đình, nhóm cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng;

- 4.3. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh tổng hợp danh sách chung cho toàn bộ địa bàn thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH;
- 4.4. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh phê duyệt danh sách mở TKNH chính thức và gửi tới ngân hàng.

### **Bước 5. Mở TKNH nhận tiền DVMTR cho bên cung ứng DVMTR**

Dựa trên danh sách mở TKNH do Quỹ BV&PTR cấp tỉnh phê duyệt, ngân hàng được lựa chọn sẽ tiến hành các công việc liên quan đến mở TKNH theo các quy định của ngân hàng. Các công việc gồm:

- 5.1. Xây dựng kế hoạch và thông báo kế hoạch mở TKNH cho bên cung ứng DVMTR và các bên liên quan kịp thời, bao gồm:
  - Quỹ BV&PTR cấp tỉnh;
  - Các chủ rừng là tổ chức;



*Người nhận tiền dịch vụ môi trường rừng ở Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tìm hiểu về mở tài khoản ngân hàng*

- UBND xã;
- Trưởng các thôn, bản, bon;
- Các loại giấy tờ cần thiết khi mở TKNH;

5.2. Chuẩn bị các mẫu biểu và hồ sơ để mở TKNH cho bên cung ứng DVMTR theo danh sách Quỹ BV&PTR cấp tỉnh phê duyệt. Các mẫu biểu chuẩn bị gồm:

- Đơn đề nghị mở TKNH;
- Hợp đồng mở và sử dụng TKNH;
- Các phương tiện khác phục vụ chuyên môn nghiệp vụ của ngân hàng.

5.3. Tổ chức mở TKNH cho các đối tượng nhận tiền DVMTR theo danh sách của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh phê duyệt.

Tại các địa điểm được thông báo trước đó, ngân hàng tiếp nhận, rà soát hồ sơ của bên cung ứng DVMTR để mở TKNH. Hồ sơ mở tài khoản bao gồm:

- Đối với tài khoản của tổ chức:
  - Giấy tờ hợp pháp của tổ chức (bản gốc hoặc bản sao có công chứng), gồm:
    - (i) Quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác theo quy định;
    - (ii) Giấy đề nghị mở tài khoản;
    - (iii) Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản;
    - (iv) Các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện của người đại diện hợp pháp (quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) và giấy tờ tùy thân của những người đó).
- Đối với TKCN
  - (i) Bản gốc hoặc bản sao có công chứng giấy tờ tùy thân còn hiệu lực (chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước, hộ chiếu);
  - (ii) Giấy đề nghị mở tài khoản;



**Bà con mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền  
dịch vụ môi trường rừng và nhân viên ngân hàng  
sẽ hướng dẫn cách mở tài khoản**

- (iii) Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Trường hợp chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, chủ hợp đồng bảo vệ rừng là cá nhân hoặc hộ gia đình ủy quyền cho thành viên của gia đình mở TKNH để nhận tiền DVMTR thì cần có giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã.
- Đối với tài khoản chung (áp dụng cho cộng đồng dân cư)  
Đối với cộng đồng dân cư, nhóm cá nhân, hộ gia đình mở tài khoản chung là bắt buộc. Tài khoản nhóm áp dụng trong trường hợp số tiền trả cho từng thành viên của nhóm nhỏ (dưới 500.000 đồng/hộ/năm). Hồ sơ gồm:
    - (i) Biên bản họp thôn, bản, bon, nhóm thống nhất cử đại diện mở tài khoản chung có xác nhận của UBND xã;

(ii) Giấy tờ tùy thân của người đại diện (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) gồm chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu;

(iii) Giấy đề nghị mở tài khoản; hợp đồng mở và sử dụng tài khoản.

#### 5.4. Hoàn thiện hồ sơ mở TKNH và thông báo số TKNH tới bên cung ứng DVMTR được mở TKNH.

Các nội dung về hoàn thiện hồ sơ mở TKNH cho bên cung ứng DVMTR bao gồm:

- Kiểm tra các hồ sơ mở tài khoản;
- Thông báo số TKNH tới các chủ tài khoản;
- Báo cáo danh sách chủ TKNH tới Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, các chủ rừng là tổ chức, UBND xã;
- Phối hợp với Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức, UBND xã xử lý các trường hợp không đủ điều kiện mở TKNH (như mất chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước,...).

### **Bước 6. Phê duyệt danh sách trả tiền DVMTR**

Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức, UBND xã căn cứ kết quả thực hiện bảo vệ rừng để tính toán tiền DVMTR sẽ trả cho bên cung ứng DVMTR và lập danh sách trả tiền DVMTR cho bên cung ứng DVMTR.

Các hoạt động bao gồm:

- 6.1. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh lập danh sách trả tiền DVMTR cho bên cung ứng DVMTR đối với các chủ rừng là tổ chức, UBND xã, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, nhóm các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình.
- 6.2. Chủ rừng là tổ chức, UBND xã lập danh sách trả tiền DVMTR cho bên nhận khoán bảo vệ rừng và gửi danh sách này tới Quỹ BV&PTR cấp tỉnh.
- 6.3. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh kiểm tra, tổng hợp và phê duyệt danh sách trả tiền DVMTR cho bên cung ứng DVMTR.





6.4. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh gửi danh sách trả tiền DVMTR tới ngân hàng để ngân hàng thực hiện trả tiền DVMTR vào TKNH của bên cung ứng DVMTR.

### **Bước 7. Tổ chức trả tiền DVMTR cho bên cung ứng DVMTR**

Căn cứ ủy nhiệm chi của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh và kế hoạch trả tiền DVMTR, ngân hàng tiến hành thanh toán tiền DVMTR tới bên cung ứng DVMTR. Các bước thực hiện như sau:

7.1. Ngân hàng chuyển tiền DVMTR vào tài khoản của bên cung ứng DVMTR theo danh sách Quỹ BV&PTR cấp tỉnh phê duyệt. Thời gian chuyển tiền theo kế hoạch thỏa thuận với Quỹ BV&PTR cấp tỉnh.



**Bà con rút tiền từ tài khoản ngân hàng bằng 3 cách:**

- 1) Rút tiền trực tiếp tại ngân hàng**
- 2) Rút tiền tại máy ATM**
- 3) Nhận tiền tại ủy ban nhân dân xã**

7.2. Ngân hàng đảm bảo thực hiện các phương thức trả tiền DVMTR dựa trên nhu cầu của bên cung ứng DVMTR và thỏa thuận với Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức, UBND xã. Các hình thức trả gồm:

- Đối với các địa bàn khó khăn: việc trả tiền DVMTR được thực hiện theo hình thức lưu động tại trụ sở của UBND xã, hoặc tại các thôn, bản, bon hoặc tại nhà người nhận tiền DVMTR;
- Đối với những nơi có điều kiện thuận lợi trong tiếp cận các chi nhánh, phòng giao dịch, cây rút tiền tự động ATM hoặc các hình thức thanh toán khác của tổ chức được ủy nhiệm trả tiền DVMTR thì chủ tài khoản có thể rút tiền DVMTR tại các chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức được ủy nhiệm trả tiền DVMTR hoặc rút tiền tại các cây rút tiền tự động ATM.

7.3. Thông báo tới bên cung ứng DVMTR hệ thống các điểm, quầy giao dịch của ngân hàng tại địa bàn có thể thực hiện các dịch vụ thanh toán tiền DVMTR;

7.4. Trường hợp ngân hàng trả tiền DVMTR lưu động, ngân hàng lập kế hoạch và thông báo tới Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức, trưởng thôn, bản, bon và UBND xã;

7.5. Báo cáo kết quả thanh toán tiền DVMTR về Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức và UBND xã;

7.6. Lưu giữ hồ sơ gốc và gửi bản sao các hồ sơ trả tiền DVMTR tới Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức và UBND xã;

7.7. Thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan liên quan khi có yêu cầu của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh.

### **Lời khuyên 3. Áp dụng phương thức trả tiền DVMTR lưu động**

Kinh nghiệm từ thí điểm cho thấy, người dân đã tiếp cận các dịch vụ ngân hàng như vay tiền để phát triển kinh tế, mua sắm,.. và trong một số trường hợp, người dân đã sử dụng thẻ ATM. Thực hiện phương thức trả tiền DVMTR lưu động có thể sẽ làm tăng chi phí và làm giảm tính chủ động và trách nhiệm của bên cung ứng DVMTR trong việc quản lý và sử dụng tiền DVMTR. Do đó, chúng tôi khuyến nghị:

- 1. Cần cân nhắc kỹ phương án thanh toán lưu động tiền DVMTR của ngân hàng. Phương thức này chỉ nên xem xét áp dụng đối với chủ rừng và người bảo vệ rừng là cá nhân, hộ gia đình, đồng bào dân tộc ở các địa bàn khó khăn, không có khả năng tiếp cận các phòng giao dịch của ngân hàng.**
- 2. Không nên áp dụng phương thức trả tiền DVMTR lưu động đối với các tài khoản chung của chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng là cộng đồng và nhóm hộ có số tiền DVMTR lớn (trên 20 triệu đồng). Người đại diện cho tài khoản chung cần chủ động đến các điểm giao dịch của ngân hàng để rút tiền.**
- 3. Ngân hàng cần có các tư vấn kịp thời để bên cung ứng DVMTR có thể chuyển đổi tiền DVMTR chưa sử dụng sang loại hình tiền gửi tiết kiệm để nâng cao hiệu quả sử dụng tiền DVMTR.**



## PHẦN III

# CÔNG KHAI, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG QUA TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

### 1. Công khai kết quả trả tiền DVMTR

Công khai danh sách được trả tiền DVMTR phải được thực hiện trong vòng 10 ngày trước khi ngân hàng được ủy nhiệm tiến hành trả tiền DVMTR tới bên cung ứng DVMTR. Các hoạt động thực hiện gồm:

- 1.1. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh công khai danh sách được trả tiền DVMTR đối với các chủ rừng là tổ chức, UBND xã, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn, bản, bon, nhóm các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình tại trụ sở của UBND xã; và gửi đến trưởng thôn, bản, bon;

- 1.2. Chủ rừng là tổ chức công khai danh sách được trả tiền DVMTR cho bên nhận khoán bảo vệ rừng (cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư) tại trụ sở của UBND xã; và gửi đến trưởng thôn, bản, bon; Trưởng thôn/bản/bon/ấp có trách nhiệm phổ biến thông tin tới bà con thông qua các cuộc họp, niêm yết danh sách tại nhà văn hóa v.v;
- 1.3. UBND xã công bố danh sách được trả tiền DVMTR cho bên nhận khoán bảo vệ rừng do UBND xã ký hợp đồng tại trụ sở UBND xã và gửi tới trưởng thôn, bản, bon;
- 1.4. Chủ tài khoản chung niêm yết danh sách ký nhận tiền DVMTR tại nhà văn hóa của thôn, bản, bon.

## **2. Giám sát trả tiền DVMTR qua TKNH**

- 2.1. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh căn cứ kế hoạch chi trả thống nhất giữa Quỹ và ngân hàng để xây dựng kế hoạch giám sát việc tổ chức trả tiền DVMTR của ngân hàng, bao gồm việc chuyển tiền DVMTR vào TKNH của bên cung ứng DVMTR và trả tiền DVMTR lưu động.
- 2.2. Chủ rừng là tổ chức, UBND xã căn cứ kế hoạch trả tiền DVMTR của ngân hàng để xây dựng kế hoạch giám sát việc trả tiền DVMTR của ngân hàng.
- 2.3. Nội dung giám sát của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức và UBND xã gồm:
  - Số lượng các cuộc tập huấn, tuyên truyền, số lượng người tham gia và tỷ lệ nữ tham gia;
  - Nhận thức của người dân về dịch vụ trả tiền DVMTR qua TKNH;
  - Mức độ đầy đủ của hồ sơ mở TKNH để nhận tiền DVMTR;
  - Mức độ đầy đủ của hồ sơ thanh toán tiền DVMTR;
  - Tổ chức trả tiền DVMTR qua TKNH (tiền độ, đối tượng và số tiền DVMTR được trả);
  - Sự tham gia của nữ trong việc mở TKNH và trong ban đại diện đối với tài khoản chung;
  - Các vấn đề phát sinh trong quá trình trả tiền DVMTR qua TKNH.

## 2.4. Chính quyền địa phương và các bên liên quan

Lãnh đạo thôn, xã và các tổ chức đoàn thể cần phối hợp với Quỹ BV&PTR cấp tỉnh và chủ rừng là tổ chức để giám sát quá trình thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH. Nội dung giám sát gồm:

- Việc công khai danh sách được trả tiền DVMTR;
- Tính chính xác và minh bạch về đối tượng và số tiền DVMTR;
- Phân bổ tiền DVMTR của các cộng đồng dân cư.

Các cơ quan, tổ chức và toàn thể nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến tính chính xác và minh bạch trong quá trình thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH.

### **Lời khuyên 4. Giám sát phân bổ tiền DVMTR đối với các tài khoản chung**

Số tiền DVMTR được trả cho các chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng là cộng đồng dân cư thôn, bản, bon là khá lớn và do người đại diện của cộng đồng thực hiện giao dịch với ngân hàng để nhận tiền DVMTR. Vì vậy, để phòng ngừa các trường hợp chiếm đoạt tiền DVMTR, cần có cơ chế giám sát việc phân chia lợi ích tiền DVMTR giữa các thành viên trong cộng đồng. Do đó, chúng tôi khuyến nghị:

- 1. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức cần giám sát việc phân chia tiền DVMTR của cộng đồng.**
- 2. Các nội dung giám sát nên tập trung vào: Phương án và mức độ công khai về cơ chế chia sẻ lợi ích; các bằng chứng về chia sẻ lợi ích cho các thành viên trong cộng đồng.**
- 3. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức nên thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận các ý kiến phản hồi liên quan đến phân chia tiền DVMTR của cộng đồng.**

### 3. Đánh giá thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH

Đánh giá việc thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH được tiến hành hàng năm hoặc theo định kỳ để cung cấp cơ sở cho việc hoàn thiện các quy định, hướng dẫn và cải thiện tính minh bạch, an toàn và hiệu quả của phương thức trả tiền DVMTR qua TKNH. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với chủ rừng là tổ chức và các bên liên quan tổ chức đánh giá. Các nội dung đánh giá gồm (tham khảo tại Phụ lục 4):

- Tính hiệu quả trong thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH;
- Tính công khai, minh bạch của thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH; và phân chia tiền DVMTR đối với các nhóm hộ và cộng đồng dân cư;
- Tính tham gia và nhận thức về bình đẳng giới trong thực hiện trả tiền DVMTR qua TKNH.
- Mức độ hài lòng của các chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng;
- Khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng của bên cung ứng DVMTR;
- Các cơ hội cải thiện tính minh bạch, an toàn và hiệu quả của phương thức trả tiền DVMTR qua TKNH và các phương thức thanh toán điện tử phù hợp khác.



*Hội thảo tổng kết thi điểm trả tiền DVMTR qua tài khoản ngân hàng*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2010. Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2018. Nghị định số 147/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính, 2012. Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 về hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Bộ Tài chính, 2018. Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2012. Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 về hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, 2018. Báo cáo tóm tắt chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam giai đoạn 2011-2018 và định hướng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Yên Bái, 2018. Báo cáo kết quả thí điểm trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng.

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế, 2018. Hoạt động trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho cộng đồng, nhóm hộ qua hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đắk Nông, 2018. Văn bản số 110/BC-QBVR ngày 06/9/2018 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đắk Nông



về đánh giá kết quả trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng năm 2018.

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hòa Bình, 2018. Báo cáo kết quả thí điểm trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng.

Vũ Tấn Phương, 2017. Báo cáo phân tích hiện trạng chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và đề xuất thí điểm chi trả thông qua tài khoản tiền gửi ngân hàng. Chương trình Bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học lâm nghiệp và dịch vụ hệ sinh thái ở Việt Nam. GIZ. 14 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội.

Vũ Tấn Phương, 2018. Báo cáo kết quả thí điểm chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng. Chương trình Bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học lâm nghiệp và dịch vụ hệ sinh thái ở Việt Nam. GIZ. 14 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội.



# **Phụ lục 1. Mẫu Thỏa thuận/Hợp đồng kinh tế với ngân hàng**

## **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### **THỎA THUẬN/HỢP ĐỒNG**

**Về việc thực hiện dịch vụ thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng**

**Giữa**

**Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh ....**

**Và**

**Ngân hàng .....**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Nghị định số 147/2016/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ....của.... về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh ...

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, năng lực và nhu cầu của .....



Hôm nay, ngày .... tháng ... năm ....., tại ....., hai bên gồm:

**BÊN A: QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH.....(sau đây gọi tắt là bên A)**

- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax:.....
- Người đại diện: .....
- Chức vụ: .....

**BÊN B: NGÂN HÀNG .....  
(sau đây gọi tắt là bên B)**

- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax:.....
- Người đại diện: .....
- Chức vụ : .....

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh ... và Ngân hàng... (sau đây gọi tắt là “hai bên”) thống nhất ký kết Thỏa thuận/Hợp đồng về việc “thực hiện dịch vụ thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng” với những nội dung sau:

## Phần I

### THỎA THUẬN CHUNG

#### 1.1. Nguyên tắc hợp tác

- a) Hai bên xác định hợp tác lâu dài trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và tin tưởng lẫn nhau; phù hợp và tuân thủ chiến lược, kế hoạch kinh doanh của mỗi bên; nằm trong khuôn khổ cho phép của pháp luật và các quy định của mỗi bên; không mâu thuẫn về nội dung hợp tác với đối tác khác của từng bên;
- b) Thỏa thuận/hợp đồng này quy định các nguyên tắc, nội dung hợp tác cụ thể được thực hiện phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi bên, phù hợp với quy định của pháp luật và quy định tại thỏa thuận/hợp đồng này;
- c) Trong quá trình hợp tác, hai bên cam kết trao đổi, cung cấp thông tin cho nhau đầy đủ, kịp thời và đảm bảo tính bí mật của các vấn đề liên quan đến thỏa thuận/hợp đồng;
- d) Mỗi bên cam kết tôn trọng các lợi ích về vật chất cũng như uy tín và thương hiệu của bên kia;
- đ) Hai bên cùng phối hợp tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thỏa thuận/hợp đồng;
- e) .....
- g) .....

#### 1.2. Mục đích hợp tác

- a) Thúc đẩy thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm giải trình cao;
- b) Đảm bảo trả tiền dịch vụ môi trường rừng tới các chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng được an toàn và minh bạch;

c) .....

d) .....

### 1.3. Phạm vi hợp tác

Hai bên thống nhất hợp tác trong các lĩnh vực thanh toán, ngân quỹ, vốn, trao đổi, cung cấp thông tin, truyền thông và các dịch vụ khác phù hợp với khả năng và mục tiêu của mỗi bên.



## Phần II

### THỎA THUẬN CỤ THỂ

#### 2.1. Trách nhiệm của bên B

- a) Mở và quản lý tài khoản tiền gửi ngân hàng (tài khoản thanh toán) cho các đối tượng hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng, nhóm hộ) theo danh sách do bên A cung cấp;
- b) Thực hiện dịch vụ thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng theo yêu cầu của bên A tới các chủ rừng và bên nhận khoán bảo vệ rừng tối thiểu 02 lần/năm (hoặc theo định kỳ) tại trụ sở Ủy ban nhân dân các xã có hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- c) Thực hiện trả tiền dịch vụ môi trường rừng trực tiếp tại trụ sở làm việc các chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng theo yêu cầu của chủ rừng, hộ gia đình, bên nhận khoán bảo vệ rừng (nếu yêu cầu);
- d) Chịu trách nhiệm trước Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trong việc thanh toán/trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng đối tượng, số lượng và tiến độ; lưu trữ hồ sơ, chứng từ thanh toán theo quy định;
- đ) Không sử dụng tài khoản tiền gửi của các đối tượng được hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng để thế chấp cho các nghĩa vụ khác hoặc thực hiện các thanh toán qua ngân hàng;
- e) Thực hiện trả lãi tiền gửi theo lãi suất quy định từng thời kỳ đối với số dư tiền gửi thanh toán trên tài khoản của khách hàng theo quy định;
- g) Trong vòng 30 ngày sau mỗi đợt thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng, lập báo cáo kết quả và gửi về bên A;
- h) Báo cáo kịp thời tới bên A các khó khăn, vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có);
- i) Tư vấn và huy động khách hàng sau khi nhận tiền dịch vụ môi trường rừng có thể gửi sang các hình thức tiền gửi khác (nếu có).
- k) .....



## 2.2. Trách nhiệm của bên A

- a) Cung cấp danh sách các đối tượng được hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng (tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng) tới bên B để mở tài khoản tiền gửi ngân hàng;
- b) Phối hợp với bên B trong việc tuyên truyền và mở tài khoản ngân hàng cho các đối tượng thụ hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng;
- c) Mở tài khoản thanh toán tại bên B để đảm bảo thanh toán tập trung và số dư tiền gửi đáp ứng đủ nhu cầu thanh toán tới các đối tượng được trả tiền dịch vụ môi trường rừng;
- d) Gửi kế hoạch trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên B trước 30 ngày. Kế hoạch bao gồm danh sách được trả tiền dịch vụ môi trường rừng của từng huyện và xã, tổ chức và chịu trách nhiệm về các thông tin nêu trong danh sách được trả tiền dịch vụ môi trường rừng;
- e) Giám sát bên B thực hiện dịch vụ thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng;
- f) Phối hợp với bên B giải quyết các thắc mắc của các đối tượng được trả tiền dịch vụ môi trường rừng (như sai sót về họ tên, số chứng minh thư nhân dân, số tiền dịch vụ môi trường rừng,...); các khó khăn và vướng mắc (nếu có);
- g) Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ nêu tại mục 2.3 cho bên B;
- h) .....

## 2.3. Chi phí dịch vụ thanh toán

- a) Mức phí dịch vụ thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng do bên A trả cho bên B là .....
- b) Mức phí dịch vụ này được áp dụng trong năm 2018 và sẽ được hai bên xem xét, thống nhất điều chỉnh hàng năm;
- c) .....

## Phần III

# ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### 3.1. Tổ chức thực hiện

- a) Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận đã ký.
- b) Hai bên chỉ định đầu mối để liên hệ, thông báo, trao đổi và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
- c) Định kỳ hàng năm hoặc theo nhu cầu thực tế, hai bên tổ chức đánh giá tình hình thực hiện nội dung thỏa thuận/hợp đồng, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đồng thời bổ sung, chỉnh sửa các nội dung, mục tiêu hợp tác cần thiết cho thời gian tiếp theo.
- d) Hai bên tự chịu trách nhiệm về các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện thỏa thuận/hợp đồng nguyên tắc này.
- đ) Hai bên sẽ bảo mật mọi thông tin, dữ liệu, tài liệu liên quan đến nội dung và việc thực hiện thỏa thuận/hợp đồng này. Hai bên không tiết lộ thông tin, dữ liệu, tài liệu cho bên thứ ba mà không có sự cho phép bằng văn bản của bên kia.

### 3.2. Hiệu lực thỏa thuận/hợp đồng và tranh chấp

- a) Thỏa thuận/hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc liên quan đến thỏa thuận/hợp đồng này, trước tiên sẽ được các bên giải quyết trên tinh thần thương lượng, hợp tác và thiện chí, có lập biên bản ghi các nội dung đó. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì tranh chấp đó sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền, bên thua kiện sẽ chịu toàn bộ án phí.



- b) Thỏa thuận/hợp đồng này có hiệu lực ngay sau khi có đầy đủ chữ ký đại diện hợp pháp của hai bên. Mọi sửa đổi, bổ sung chỉ có giá trị khi có sự chấp thuận bằng văn bản của cả hai bên.
- c) Thỏa thuận/hợp đồng này bao gồm ... (...) trang, được lập thành ...(...) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ ... (...) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## Phụ lục 2. Mẫu biên bản họp thôn/bản/nhóm hộ bầu đại diện chủ tài khoản chung

UBND XÃ ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Thôn/Bản/nhóm..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BIÊN BẢN HỌP THÔN/BẢN/NHÓM HỘ Về việc bầu người đại diện mở tài khoản ngân hàng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng

Hôm nay, ngày....tháng....năm...., tại thôn/bản/nhóm hộ.....xã....., huyện .....

- Chủ trì cuộc họp: Ông: .....- Chức vụ: .....

- Thư ký cuộc họp: Ông: ..... - Chức vụ:.....

#### I. Thành phần tham gia

1) Đại diện UBND xã

1. Ông:..... - Chức vụ:.....

2. Ông:..... - Chức vụ:.....

2) Tổng số hộ gia đình trong thôn/bản/nhóm hộ:.....

3) Số hộ gia đình trong thôn/bản/nhóm hộ có mặt:.....(danh sách kèm theo)

#### II. Nội dung cuộc họp

Bầu người đại diện đứng tên mở tài khoản ngân hàng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng cho cộng đồng dân cư thôn/bản/nhóm hộ.....



### III. Kết quả bầu đại diện tài khoản ngân hàng của thôn/bản

Các hộ gia đình trong thôn/bản/nhóm hộ ..... nhất trí bầu các ông (bà) có tên dưới đây là chủ tài khoản ngân hàng của thôn/bản/nhóm hộ và thực hiện nhận tiền dịch vụ môi trường rừng của thôn/bản/nhóm hộ.

1. Người đại diện đứng tên tài khoản ngân hàng chung cho cộng đồng dân cư thôn/bản/nhóm hộ.

Ông (bà):....., chức vụ.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Chứng minh thư nhân dân số:..... cấp ngày..... Tại.....

Chỗ ở hiện tại:.....

2. Các thành viên đại diện cho cộng đồng dân cư thôn/bản/nhóm ký nhận tiền dịch vụ môi trường rừng cùng với chủ tài khoản được trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

a) Ông (bà):....., Chức vụ:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Chứng minh thư nhân dân số:..... cấp ngày.....

Tại .....

b) Ông (bà):....., Chức vụ:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Chứng minh thư nhân dân số:..... cấp ngày.....

Tại .....

Các ông (bà) có tên trên được các hộ gia đình trong thôn/bản/nhóm tín nhiệm bầu làm người đại diện đứng tên tài khoản thanh toán chung và đứng tên khi làm thủ tục thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng với ngân hàng, chịu trách nhiệm trước các hộ gia đình, cá nhân trong cộng đồng thôn/bản/nhóm hộ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thanh toán tiền dịch

vụ môi trường rừng đầy đủ, kịp thời đến từng hộ gia đình, cá nhân trong thôn/bản/nhóm sau khi nhận được tiền dịch vụ môi trường rừng theo kỳ.

Cuộc họp kết thúc vào .... giờ .... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản và ký tên xác nhận./.

**Thư ký**  
(Ký và ghi rõ họ và tên)

**Chủ trì họp thôn/bản/nhóm**  
(Ký và ghi rõ họ và tên)

-----

-----

**Xác nhận UBND xã .....**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**Danh sách các hộ gia đình, cá nhân tham gia họp thôn/bản/nhóm**  
(Kèm theo Biên bản họp thôn/bản/nhóm hộ ngày .....tháng .....năm .....

TT	Họ và tên chủ hộ	Ngày tháng năm sinh	Chữ ký hoặc điểm chỉ
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			
21			
22			
23			
24			
25			

## Phụ lục 3. Thủ tục hồ sơ mở tài khoản ngân hàng

### 1. Các loại tài khoản ngân hàng

- Tài khoản ngân hàng của cá nhân: Áp dụng cho các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, hộ nhận khoán bảo vệ rừng.
- Tài khoản ngân hàng của tổ chức: Áp dụng cho các chủ rừng là tổ chức.
- Tài khoản ngân hàng chung: Áp dụng cho cộng đồng, nhóm chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, nhóm cá nhân, hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng.

### 2. Số dư tối thiểu

Là số tiền ít nhất cần duy trì trong tài khoản tại mọi thời điểm (kể từ khi mở tài khoản ngân hàng)

- Tài khoản cá nhân:.....đồng (..... đồng./.)
- Tài khoản của tổ chức và tài khoản chung:..... đồng (..... đồng./.)

### 3. Quyền và nghĩa vụ của chủ tài khoản

#### a) Quyền của chủ tài khoản

- Sử dụng số tiền trên tài khoản của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ;
- Ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản để thanh toán;
- Được cung cấp thông tin về các giao dịch thanh toán, số dư trên tài khoản theo thỏa thuận với ngân hàng;
- Được yêu cầu ngân hàng tạm khóa, đóng tài khoản khi cần thiết;
- Được hưởng lãi suất không kỳ hạn cho số dư trên tài khoản.

#### b) Nghĩa vụ của chủ tài khoản

- Đảm bảo có đủ tiền trên tài khoản để thực hiện các lệnh thanh toán;
- Kịp thời thông báo cho ngân hàng nơi mở tài khoản khi phát hiện có sai sót, nhầm lẫn hoặc nghi ngờ tài khoản của mình bị lợi dụng;

- Hoàn trả hoặc phối hợp với ngân hàng hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn;
- Cung cấp đầy đủ thông tin, bổ sung các thay đổi liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản;
- Duy trì số dư tối thiểu.

#### **4. Điều kiện mở tài khoản ngân hàng**

##### ***a) Tài khoản cá nhân***

- Người từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; người chưa đủ 15 tuổi, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật mở tài khoản thông qua người đại diện;
- Người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thực hiện thông qua người giám hộ.

Hồ sơ gồm:

- Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản;
- Giấy đề nghị mở tài khoản;
- Giấy tờ tùy thân (thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân...), giấy khai sinh (đối với cá nhân là công dân Việt Nam chưa đủ 14 tuổi).

##### ***b) Tài khoản của tổ chức***

Tổ chức có tư cách pháp nhân được mở tài khoản. Hồ sơ gồm:

- Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản;
- Giấy đề nghị mở tài khoản;
- Giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác theo quy định;
- Các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện của người đại diện hợp pháp, quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) kèm giấy tờ tùy thân của những người đó;

- Các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực, hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được xuất trình cùng bản chính để đối chiếu.

### ***c) Tài khoản chung***

Có thể mở cho các cộng đồng thôn, bản, nhóm nhận khoán bảo vệ rừng, cộng đồng. Hồ sơ bao gồm:

- Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản;
- Giấy đề nghị mở tài khoản;
- Giấy xác nhận đại diện cộng đồng thôn, bản, nhóm bảo vệ rừng của UBND xã;
- Giấy tờ tùy thân (thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân) của các thành viên đại diện cho cộng đồng thôn, bản, nhóm.



## Phụ lục 4. Khung giám sát, đánh giá trả tiền DVMTR qua TKNH

TT	Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Bằng chứng xác minh	Phương pháp thực hiện
1	Nhận thức và vấn đề giới trong trả tiền qua TKNH	1.1. Tổng số người tham gia các cuộc họp, tập huấn về trả tiền DVMTR qua TKNH (người/năm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh sách người tham gia họp, tập huấn;</li> <li>Biên bản họp</li> <li>Tài liệu tập huấn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát hồ sơ</li> <li>Phòng vấn ngẫu nhiên người tham gia và các bên liên quan</li> </ul>
		1.2. Tỷ lệ nữ tham gia các cuộc họp, tập huấn về trả tiền DVMTR qua TKNH (%)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh sách người tham gia tập huấn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát hồ sơ</li> <li>Phòng vấn ngẫu nhiên các thành viên nữ tham gia</li> </ul>
		1.3. Tỷ lệ nữ tham gia là chủ tài khoản nhận tiền DVMTR (%)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh sách mở TKNH cho bên cung ứng DVMTR</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát hồ sơ</li> <li>Phòng vấn ngẫu nhiên</li> </ul>
		1.4. Tỷ lệ nữ tham gia vào ban đại diện tài khoản chung của cộng đồng thôn, bản, bon; nhóm hộ (%)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh sách thành viên ban đại diện tài khoản chung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát hồ sơ</li> <li>Phòng vấn đại diện nữ</li> </ul>
2	Tính minh bạch trong trả tiền DVMTR qua TKNH	2.1. Công khai danh sách được trả tiền DVMTR tại UBND xã; thôn, bản, bon	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh sách được trả tiền DVMTR niêm yết tại UBND xã, thôn, bản, bon</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát hồ sơ</li> <li>Phòng vấn các bên liên quan</li> </ul>

TT	Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Bằng chứng xác minh	Phương pháp thực hiện
		2.2. Số tiền DVMTR được trả tới các tài khoản cá nhân (triệu đồng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh sách trả tiền DVMTR theo chủ tài khoản</li> <li>Chứng từ chuyển khoản và rút tiền của chủ tài khoản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát hồ sơ</li> </ul>
		2.3. Số tiền DVMTR được trả tới các tài khoản chung (triệu đồng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh sách trả tiền DVMTR theo chủ tài khoản chung</li> <li>Chứng từ chuyển khoản và rút tiền của chủ tài khoản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát hồ sơ</li> </ul>
		2.4. Số tiền DVMTR được trả tới tài khoản là tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chứng từ chuyển khoản và rút tiền của chủ tài khoản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát hồ sơ</li> </ul>
		2.5. Số lượng vụ việc khiếu nại, tranh chấp trả tiền DVMTR qua TKNH	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng vụ việc khiếu nại, tranh chấp ghi nhận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát hồ sơ ghi chép số vụ khiếu nại, phản hồi</li> <li>Phỏng vấn ngẫu nhiên</li> </ul>
		2.6. Số lượng chủ tài khoản sử dụng dịch vụ thông báo biến động tài khoản (SMS banking)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh sách các tài khoản sử dụng dịch vụ SMS banking;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát danh sách tài khoản sử dụng SMS banking</li> <li>Phỏng vấn ngẫu nhiên</li> </ul>

TT	Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Bằng chứng xác minh	Phương pháp thực hiện
		2.7. Mức độ đầy đủ của hồ sơ trả tiền DVMTR tới các chủ tài khoản	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hồ sơ chuyển tiền tới chủ tài khoản</li> <li>Hồ sơ rút tiền của chủ tài khoản</li> <li>Lưu trữ hồ sơ của ngân hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát hồ sơ (chuyển khoản và rút tiền)</li> <li>Đánh giá chất lượng hồ sơ và lưu trữ hồ sơ của ngân hàng</li> </ul>
3	Hiệu quả tổ chức trả tiền DVMTR qua TKNH	3.1. Phí trả cho ngân hàng thực hiện dịch vụ thanh toán tiền DVMTR qua TKNH (triệu đồng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chứng từ phí trả cho ngân hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát chứng từ trả phí thực hiện dịch vụ thanh toán</li> </ul>
		3.2. Số tiền DVMTR được trả lưu động (triệu đồng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chứng từ thanh toán phí dịch vụ cho ngân hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát chứng từ trả phí thực hiện dịch vụ thanh toán</li> </ul>
		3.3. Tổng ngày công thực hiện trả tiền DVMTR lưu động của ngân hàng (cả thời gian đi lại)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kế hoạch và thời gian trả lưu động của ngân hàng</li> <li>Danh sách cán bộ ngân hàng thực hiện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá hồ sơ và thời gian tổ chức trả lưu động của ngân hàng</li> <li>Phỏng vấn ngẫu nhiên các bên liên quan (thôn, người dân)</li> </ul>
		3.3. Số lượng tài khoản nhận tiền DVMTR qua dịch vụ trả lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh sách các chủ tài khoản nhận tiền qua dịch vụ thanh toán lưu động</li> <li>Chứng từ rút tiền của chủ tài khoản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá hồ sơ trả lưu động (danh sách, chứng từ rút tiền)</li> </ul>

TT	Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Bằng chứng xác minh	Phương pháp thực hiện
		3.4. Số tiền các chủ tài khoản tự rút tiền tại các điểm giao dịch của ngân hàng hoặc cây ATM (triệu đồng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảng thống kê danh sách các tài khoản và số tiền giao dịch tại ngân hàng và ATM</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát danh sách thống kê giao dịch của chủ tài khoản tại ngân hàng và ATM</li> <li>Phòng vấn ngẫu nhiên</li> </ul>
		3.5. Tổng số tiền DVMTR các chủ tài khoản chuyển sang tài khoản tiền gửi (gửi tiết kiệm, triệu đồng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh sách và số tiền chủ tài khoản gửi tiết kiệm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát danh sách các chủ tài khoản gửi tiết kiệm</li> </ul>
		3.6. Chi phí giám sát của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh (triệu đồng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kế hoạch và danh sách cán bộ thực hiện giám sát</li> <li>Chứng từ thanh toán chi phí giám sát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá hồ sơ thực hiện giám sát (kế hoạch, chi phí giám sát)</li> <li>Phòng vấn các bên liên quan</li> </ul>
		3.7. Chi phí giám sát của chủ rừng là tổ chức (triệu đồng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kế hoạch và danh sách cán bộ thực hiện giám sát</li> <li>Chứng từ thanh toán chi phí giám sát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá hồ sơ thực hiện giám sát (kế hoạch, chi phí giám sát)</li> <li>Phòng vấn các bên liên quan</li> </ul>

TT	Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Bằng chứng xác minh	Phương pháp thực hiện
4	An toàn trong trả tiền DVMTR qua TKNH	4.1. Công tác an ninh của ngân hàng trong tổ chức trả tiền DVMTR lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kế hoạch trả tiền DVMTR lưu động của ngân hàng</li> <li>Danh sách cán bộ ngân hàng tham gia</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá danh sách cán bộ ngân hàng tham gia</li> <li>Phòng vấn các bên liên quan</li> </ul>
		4.2. Phương tiện vận chuyển tiền DVMTR của ngân hàng khi tổ chức trả lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kế hoạch trả tiền DVMTR lưu động của ngân hàng</li> <li>Danh sách cán bộ ngân hàng tham gia</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá kế hoạch trả lưu động</li> <li>Phòng vấn các bên liên quan</li> </ul>
		4.3. Số trường hợp xảy ra rủi ro trong trả tiền DVMTR lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo rủi ro trong trả tiền DVMTR</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá hồ sơ ghi chép liên quan đến rủi ro</li> <li>Phòng vấn các bên liên quan</li> </ul>
		4.4. Mức độ bảo mật thông tin cho chủ tài khoản	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quy định bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng</li> <li>Các ghi nhận về rò rỉ thông tin khách hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá quy định về bảo mật thông tin khách hàng</li> <li>Phòng vấn ngẫu nhiên chủ tài khoản có ghi nhận về rò rỉ thông tin (nếu có)</li> </ul>

**Phụ lục 5. Mẫu danh sách mở TKNH nhận tiền DVMTR cho bên cung ứng DVMTR**  
(Dành cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh)

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Giới tính	Số CMTND/ thẻ căn cước/ Giấy ĐKKD	Diện tích rừng được trả tiền DVMTR (ha)	Vị trí/đặc điểm khu rừng			Số tiền DVMTR được nhận (đồng)	Ghi chú
						Lô	Khoảnh	Tiểu khu		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>I</b>	<b>Chủ rừng là tổ chức</b>									
1										
...										
<b>II</b>	<b>UBND xã</b>									
1										
...										
<b>III</b>	<b>Đại diện hộ gia đình, cá nhân</b>									
1										
...										
<b>IV</b>	<b>Đại diện cộng đồng thôn/bản/nhóm</b>									
1										
...										
<b>V</b>	<b>Tổ chức chính trị-xã hội</b>									
1										
...										

..., ngày...tháng...năm....

**Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh...**

**PHỤ LỤC 6. MẪU DANH SÁCH MỞ TKNH NHẬN TIỀN DVMTR cho bên cung ứng DVMTR**  
(Dành cho chủ rừng là tổ chức, UBND xã)

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Giới tính	Số CMTND/ thẻ căn cước/Giấy ĐKKD	Diện tích rừng được trả tiền DVMTR (ha)	Vị trí/đặc điểm khu rừng			Số tiền DVMTR được nhận (đồng)	Ghi chú
						Lô	Khoảnh	Tiểu khu		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>I</b>	<b>Đại diện hộ gia đình, cá nhân nhận khoán</b>									
1										
2										
...										
<b>II</b>	<b>Đại diện cộng đồng thôn/bản/nhóm nhận khoán</b>									
1										
2										
...										

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Xác nhận của đơn vị lập danh sách**

## Phụ lục 7. Mẫu sổ tay ghi chép nhận tiền DVMTR cho bên cung ứng DVMTR

**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG....**

### **SỔ GHI CHÉP NHẬN TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**





Tên cộng đồng/người nhận tiền dịch vụ môi trường rừng:.....  
.....

Người đại diện (nếu là cộng đồng thôn/bản/bon/nhóm):.....

Địa chỉ: Thôn/bản..... xã.....huyện.....  
tỉnh.....

Stt	Số lần nhận tiền dịch vụ môi trường rừng	Diện tích rừng được trả tiền dịch vụ môi trường rừng (ha)	Số tiền dịch vụ môi trường rừng được nhận (đồng)	Địa điểm nhận tiền dịch vụ môi trường rừng <sup>1</sup>	Ngày tháng năm
1	Nhận tiền dịch vụ môi trường rừng Lần 1				Ngày... tháng... năm...
2	Nhận tiền dịch vụ môi trường rừng Lần 2				Ngày... tháng... năm...
...	....				...
	<b>Tổng cộng</b>				

*Ghi chú: <sup>1</sup> Điền một trong các địa điểm sau: tại trụ sở UBND xã, tại quầy giao dịch ngân hàng hoặc địa điểm khác (ghi rõ)*

*Người nhận tiền dịch vụ môi trường rừng có trách nhiệm ghi chép rõ ràng, đầy đủ và thường xuyên về tình hình nhận tiền dịch vụ môi trường của đơn vị/hộ gia đình, cá nhân, nhóm, cộng đồng làm cơ sở để theo dõi, kiểm tra, đối chiếu sau này.*

*Sổ ghi chép nhận tiền dịch vụ môi trường rừng phải được mang theo cùng với những giấy tờ cần thiết khác (như chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước...) khi đi nhận tiền dịch vụ môi trường theo định kỳ.*





# Vì tương lai xanh Việt Nam



## TẦM NHÌN VNFF

Đến năm 2020, Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam phấn đấu trở thành một tổ chức tài chính Nhà nước tiên phong tại Việt Nam cũng như trong khu vực Đông Nam Á với mục tiêu hỗ trợ phát triển ngành Lâm nghiệp một cách có hiệu quả thông qua việc huy động các nguồn lực xã hội cho: Bảo vệ và phát triển rừng; Quản lý rừng bền vững; Giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu; Cải thiện sinh kế cho người làm rừng; Bảo tồn đa dạng sinh học.



## QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM

Nhà A5, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: 024.3724 6771 - Fax: 024. 3724 6770  
[www.vnff.vn](http://www.vnff.vn)

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

Nhà A5, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 37246771

Fax: 024 37246770

Website: [www.vnff.vn](http://www.vnff.vn)